

Bản án số: **05/2025/DS-PT**
Ngày: 09-01-2025
V/v: Tranh chấp về thừa kế
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Du
Bà Lê Thị Tố Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Xuân Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2024/QĐ-PT ngày 02/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

2.1. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số xx, ngõ P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2.2. Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1959; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị K:
Luật sư Nguyễn Hữu G và Luật sư Đoàn Thị Huyền T - Công ty Luật TNHH N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Số xxx, phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; đều có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1961; địa chỉ: SN xx, ngõ P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn B: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng công chứng số x Thanh Hóa; địa chỉ: Số 34 Đại lộ L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Hồng M - Phụ trách quản lý và điều hành hoạt động của phòng công chứng số x; vắng mặt.

3.2. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: SN xxxC, đường N, P 3, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị L:

- Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 01/xx L, phường Đ1, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Pxxx CC số 1 T, phường Đ1, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Hoàng Duy T1, sinh 1982; địa chỉ: SN xxx, đường N, P 3, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L1, chị Đ, anh T1: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số xx, ngõ P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3.3. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1961; địa chỉ: SN xx, ngõ P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện cùng bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

* Ý kiến trình bày của bà Đoàn Thị N:

Bố mẹ bà là cụ Đoàn Văn H1 (chết năm 1989) và cụ Lê Thị Đ1 (chết năm 2012) có 05 người con chung là: bà Đoàn Thị L, sinh năm 1952 (đã chết năm 2023); bà Đoàn Thị K; ông Đoàn Văn B; bà và ông Đoàn Văn H2 (đã hy sinh năm 1986, không có vợ con). Trước khi chết bố mẹ bà có để lại khối tài sản là diện tích đất 626m² tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13, tại SN xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên mẹ bà là cụ Lê Thị Đ1 do UBND thành phố T cấp ngày 15/3/2007.

Năm 1989 bố bà chết không để lại di chúc. Sau khi bố bà chết thì mẹ bà ở chung với vợ chồng ông B, bà T2 trên nhà đất của bố mẹ, còn 03 chị em bà đã lập gia đình ra ở riêng.

Năm 2012 mẹ bà chết không để lại di chúc. Sau khi mẹ bà chết ông B và vợ con quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản của bố mẹ bà để lại. Quá trình quản lý, sử dụng, ông B đã phá dỡ toàn bộ 03 ngôi nhà cũ của bố mẹ bà và xây dựng một nhà mới

hai tầng trên diện tích đất bố mẹ bà để lại. Do đó hiện tại không còn tài sản gắn liền trên đất do bố mẹ bà xây dựng nữa.

Năm 2020 nhà nước có lấy đất làm đường vành đai Đông - Tây (khoảng 70m²), số tiền đền bù được 39.000.000 đồng. Ông B đã sử dụng số tiền này và 03 chị em bà đồng ý, nên không yêu cầu chia số tiền đền bù này.

Hiện nay bản thân chị em bà rất khó khăn, chưa có nhà đất ở ổn định nên có nhiều lần yêu cầu ông B chia cho một phần đất là tài sản của bố mẹ để lại, nhưng ông B không đồng ý chia, mặc dù gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần, nhưng không thống nhất được.

Theo quy định của nhà nước thì mẹ bà được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất trong tổng số diện tích đất của bố mẹ bà để lại tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13 là 313m². Do đó ngày 10/5/2021 bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của mẹ bà để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13 là 313m² cho 04 chị em bà, mỗi người hưởng 78,25m², giá trị tạm tính là 234.750.000 đồng và bà không yêu cầu chia tài sản trên đất của bố mẹ bà để lại.

** Ý kiến trình bày của bà Đoàn Thị K:*

Bà đồng ý với ý kiến của bà N trình bày về di sản thừa kế mà cụ H1 và cụ Đ1 để lại theo giấy chứng nhận là 626m² tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13 (SN xx P, P 1, phường P, thành phố T), nhưng toàn bộ diện tích đất tại thửa số 139, tờ bản đồ số 13 là tài sản chung của bố, mẹ bà, nên cụ H1 cũng có một phần di sản để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất, trong tổng số diện tích đất chung của bố mẹ để lại, tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13 là 313m².

Ngoài ra khi còn sống cụ H1 và cụ Đ1 có xây 03 nhà cấp 4 trên đất, trong đó có 01 nhà 04 gian, 01 nhà 03 gian xây dựng đã lâu; 01 nhà 03 gian (gồm có 02 gian + 01 bếp) xây dựng khoảng năm 1985 (nhà này bố mẹ bà đã cho bà ở đó, vào năm 1988 bà có đóng thuế sử dụng đất theo biên bản kiểm tra quản lý sử dụng đất ngày 29/3/1988). Khoảng năm 1996 - 1997 ông B đã phá 01 nhà 04 gian và 01 nhà 03 gian (gồm có 02 gian + 01 bếp mà trước đây bố mẹ cho bà ở) để xây dựng ngôi nhà 02 tầng kiên cố như bây giờ, nên bà không yêu cầu gì đối với 02 nhà đã phá. Khi cụ Đ1 chết vẫn đang còn 01 nhà cấp 4 có 03 gian lợp ngói.

Theo quy định của Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 và Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về xác định thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/7/1991 thì thời gian từ 01/7/1996 đến ngày 01/01/1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H1 vẫn còn đến hết ngày 10/3/2023 mới hết thời hiệu khởi kiện.

Do đó, ngày 10/5/2021 bà N mới chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia phần di sản thừa kế của mẹ bà để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên mà không yêu cầu chia phần di sản của bố các bà để lại là chưa đảm bảo quyền lợi của các bà.

Vì vậy, ngày 28/6/2022 bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của cụ Đoàn Văn H1 để lại là 313m² (1/2 diện tích đất trong tổng số diện tích bố mẹ để lại) theo pháp luật cho 04 đồng thừa kế, mỗi người được hưởng 78m², tạm tính trị giá 500.000.000 đồng, không yêu cầu cụ thể về nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hoà giải ngày 10/7/2024 bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị K đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố di chúc năm 2004 có dấu của UBND phường P và di chúc năm 2007 tại Văn phòng công chứng số x Thanh Hóa là không hợp pháp;

- Phân chia di sản thừa kế là tài sản chung của bố mẹ để lại, cụ thể như sau:

+ Về diện tích đất: Thừa đất số 159, tờ bản đồ số 13, diện tích là 626m² được cấp GCN ngày 13/3/2007 mang tên hộ bà Lê Thị Đ1. Đề nghị chia di sản thừa kế cho 4 đồng thừa kế là Đoàn Thị N, Đoàn Thị K, Đoàn Thị L và Đoàn Văn B trên diện tích đất thực tế hiện nay mà hộ bà Đ1 được sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản trên đất: Còn 01 nhà 03 gian, xây tường, lợp ngói mà bố mẹ các bà xây năm 1976 thì ông B mới phá vào năm 2021, sau khi bà K nộp đơn khởi kiện được khoảng 2, 3 tháng.

Khi chia thừa kế, đề nghị Tòa án chia phần di sản thừa kế cho bà N, bà K và các con bà L thành một phần và yêu cầu được chia bằng quyền sử dụng đất (QSĐĐ) và tài sản trên đất.

2. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đoàn Văn B trình bày:

Bố, mẹ ông sinh được 05 người con như bà N, bà K trình bày là đúng. Bố ông chết năm 1989, mẹ ông chết năm 2012. Trước khi chết bố, mẹ ông có để lại khối di sản là diện tích đất tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13, diện tích 626m². Năm 1989, trước khi chết bố ông giao lại cho mẹ ông toàn quyền sử dụng, định đoạt đất đai, nhà cửa của bố mẹ. Đến năm 2012 mẹ ông chết, trước khi chết mẹ ông có làm di chúc ngày 04/02/2004 tại chính quyền phường P, với nội dung giao lại cho ông toàn quyền sử dụng và định đoạt tài sản đất đai của bố, mẹ và đến ngày 24/4/2007 mẹ ông làm lại di chúc tại Văn phòng công chứng số x Thanh Hóa, với nội dung: Các con gái đã có cuộc sống, nhà cửa ổn định, nên sau khi qua đời mẹ tôi để lại toàn bộ nhà ở và toàn bộ diện tích đất ở là 626m² tại xx P, P 1, phường P, thành phố T cho tôi là Đoàn Ngọc B, hiện đang ở cùng với mẹ và tôi là người duy nhất được hưởng thừa kế toàn bộ nhà, đất nêu trên; đồng thời có trách nhiệm cùng vợ con chăm lo nhà thờ, hương khói cho gia tiên và thờ cúng em trai là liệt sĩ.

Nay bà Đoàn Thị N khởi kiện yêu cầu chia di sản của mẹ ông để lại là ½ diện tích đất trong tổng số diện tích đất của bố mẹ để lại là 313m², do mẹ ông đã viết di chúc cho ông toàn bộ, nên bà N cũng không có quyền được hưởng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất của bố ông để lại thì ông không đồng ý vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Đối với tài sản trên đất: Quá trình chung sống bố mẹ ông xây dựng 03 ngôi nhà cấp 4 trên đất. Trong đó có 01 ngôi nhà 04 gian bố mẹ ông xây dựng từ khi chị em

ông đang còn nhỏ, khoảng năm 1957, ban đầu lợp tranh, vách đất, sau này ông mới sửa lại thành xây tường, lợp ngói vào năm nào thì ông không nhớ; 01 nhà 03 gian xây tường, lợp ngói, xây dựng khoảng năm 1976 và 01 nhà 03 gian gồm có 02 gian kèm 01 gian bếp bố mẹ ông xây dựng khoảng năm 1985. Đến năm 1997 mẹ ông phá 01 ngôi nhà cấp 4 có 04 gian để vợ chồng ông xây nhà 02 tầng, mẹ con cùng ở đó như hiện nay, đồng thời phá luôn 01 nhà bếp 03 gian để làm sân. Riêng 01 nhà 03 gian xây tường, lợp ngói, xây dựng khoảng năm 1976, cơn bão số 6 năm 1989 đã làm hỏng hết, không sử dụng được ông phải sửa lại lợp thêm tôn để lấy nơi làm hương bán và do quá cũ không sử dụng được nên ông đã phá dỡ vào khoảng năm 2008 (trước khi mẹ ông chết và sau khi viết di chúc). Như vậy những tài sản trên đất đã không còn từ lâu, nên không thể chia được. Ông yêu cầu phía nguyên đơn xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh tài sản trên đất và giá trị tài sản trên đất để làm căn cứ chia di sản là tài sản trên đất.

3. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

** Ý kiến trình bày của bà Lê Thị T2:*

Năm 1985 bà và ông B kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại SN xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cùng với bố mẹ chồng. Quá trình sống chung với bố mẹ chồng, vợ chồng bà đã nhiều lần sửa chữa nhà lại để ở và đến năm 1997 thì mẹ chồng bà phá nhà cấp 4 có 04 gian để vợ chồng bà xây dựng nhà hai tầng như hiện nay để lấy nơi cho vợ chồng bà cùng với mẹ chồng ở đó.

Theo bà được biết thì di sản của cụ Đoàn Văn H1 (bố chồng bà) để lại đã hết thời hiệu khởi kiện, do vậy bà K không có quyền khởi kiện, còn di sản thừa kế của cụ Đ1 thì trước khi chết cụ Đ1 đã có di chúc cho chồng bà là ông Đoàn Văn B được toàn quyền hưởng thừa kế nhà và đất, nên không còn di sản để chia theo yêu cầu khởi kiện của bà N và bà K.

** Ý kiến trình bày của chị Hoàng Thị L1, chị Hoàng Thị Đ, anh Hoàng Duy T1 (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị L):*

Chúng tôi được biết quá trình chung sống ông bà ngoại có tạo lập được khối tài sản chung là diện tích đất tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 626m², có địa chỉ tại SN xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Tài sản trên đất gồm 02 ngôi nhà cấp 4C, nhà 03 gian phía trên mái bằng, xây dựng vào năm 1975 và 01 nhà 04 gian xây bằng gạch, mái ngói, xây dựng khoảng năm 1977, ngoài ra trên đất còn có nhiều cây cối, giếng nước, sân vườn.

Năm 1989 cụ H1 chết, không để lại di chúc. Di sản thừa kế của cụ H1 để lại là một phần QSDĐ và 03 ngôi nhà cấp 4 trên đất, trong khối tài sản chung với cụ Lê Thị Đ1. Khi cụ H1 chết, cụ Lê Thị Đ1 vẫn ở trên ngôi nhà ba gian này. Mẹ chúng tôi cùng với các anh chị em vẫn quản lý, sử dụng chung để ở và chăm sóc bà Đ1, trên diện tích đất này không phải của riêng mình ông Đoàn Văn B sử dụng.

Năm 2012 cụ Đ1 chết, khi này ông B giữ GCNQSDĐ của ông bà chúng tôi để lại, các chị em đề nghị chia tài sản là nhà đất, nhưng ông B không đồng ý.

Ngày 21/5/2021 bà Đoàn Thị N đã có đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 để lại và ngày 28/5/2021 Toà án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Văn B có cung cấp cho Tòa án bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 đề ngày 04/02/2004 có dấu của UBND phường P ngày 09/02/2004, chúng tôi cho rằng bản di chúc này là không hợp pháp.

Tháng 6 năm 2022 bà Đoàn Thị K đã làm đơn khởi kiện yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn H1 để lại và Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý vụ án. Đến ngày 14/7/2022 Tòa án nhân dân thành phố T đã ban hành Quyết định nhập vụ án dân sự về yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N và yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị K thành 01 vụ án để giải quyết. Quá trình giải quyết ông Đoàn Văn B cung cấp cho Tòa án bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 ngày 24/4/2007 do Văn phòng công chứng số x tỉnh Thanh Hóa ghi sổ công chứng số 03, quyển 01 ngày 24/4/2007. Chúng tôi cho rằng bản di chúc này là không hợp pháp.

Do vậy chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết:

-Tuyên bố di chúc của cụ Lê Thị Đ1 ngày 04/4/2004, có dấu của UBND phường P ngày 09/02/2004 và di chúc của cụ Lê Thị Đ1 ngày 24/4/2007 do Văn phòng công chứng số x tỉnh Thanh Hóa, ghi sổ công chứng số 3, quyển 01 ngày 24/4/2007 là không hợp pháp.

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật khối tài sản chung của cụ Đoàn Văn H1 và cụ Lê Thị Đ1 để lại là toàn bộ QSDĐ và tài sản trên đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 626m², địa chỉ tại SN xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ số AI 048979, do UBND thành phố T cấp ngày 15/3/2007, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số H 01258PS QSDĐ/893 QĐ-UBND, mang tên cụ Lê Thị Đ1. Chúng tôi đề nghị được hưởng bằng đất và chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Nếu như diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất chưa đúng với diện tích đất thực tế đang quản lý thì căn cứ vào biên bản thẩm tra, thẩm định tại chỗ thực tế của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Nếu được chia di sản thừa kế chúng tôi đồng ý nhập toàn bộ kỹ phần của chúng tôi được hưởng cho bà Đoàn Thị N toàn quyền chiếm hữu, quản lý sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của Văn phòng công chứng số x tỉnh Thanh Hóa:*

Về trình tự, thủ tục công chứng “Di chúc” số công chứng 03, quyển số 01, do Công chứng viên phòng công chứng số x tỉnh Thanh Hóa chứng nhận ngày 24/4/2007, Công chứng viên đã công chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm lập Di chúc bà Lê Thị Đ1 trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt, đã được công chứng viên và người làm chứng là ông Nguyễn Sỹ M1 đọc lại bản di chúc cho bà Lê Thị Đ1 nghe, bà Lê Thị Đ1 đã công nhận nội dung Di chúc đúng ý chí, nguyện vọng của bà và bà đã tự nguyện ký, điểm chỉ vào Di chúc trước sự có mặt của công chứng viên và người làm chứng.

Văn phòng công chứng số x tỉnh Thanh Hóa đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

4. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại SN xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay ông Đoàn Văn B và bà Lê Thị T2 đang quản lý, sử dụng. Tất cả các tài sản trên đất hiện tại đều do ông Đoàn Văn B và bà Lê Thị T2 tạo lập nên, cụ thể:

- Về đất: Diện tích đất thực tế tại SN xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, có tổng diện tích đất 659,5m² (trong đó có 626m² đất ở và 33,5m² đất trồng cây lâu năm khác thửa).

+ Giá đất ở theo thị trường tại thời điểm định giá là: 24.000.000đ/m² x 626m² = 15.024.000.000 đồng;

+ Giá đất trồng cây lâu năm: 33,5m² x 35.000đ/m² = 1.172.500 đồng.

- Về tài sản trên đất, gồm có:

+ 01 nhà hai tầng, cấp 3, kết cấu bê tông, cốt thép tường chịu lực, xây gạch đỏ D220, lãn sơn màu, điện chiếu sáng hoàn chỉnh, do vợ chồng ông B, bà T2 xây dựng năm 1996 - 1997, có diện tích 67,9m², diện tích sàn 135,8m²; trị giá: 135,8m² x (4.278.000đ/m² x 50%) = 290.476.200 đồng;

+ 01 mái lợp tôn lạnh, do ông B, bà T2 xây dựng năm 2023, có diện tích 41,4m²; trị giá: 385.000đ/m² x 41,4m² = 15.939.000 đồng;

+ 01 sân lát gạch liên doanh, do ông B, bà T2 xây dựng năm 2023, có diện tích 41,4m²; trị giá: 149.000đ/m² x 41,4m² = 6.168.600 đồng;

+ 01 sân bê tông, do ông B, bà T2 xây dựng năm 2023, có diện tích là 83,1m²; trị giá: 24.000đ/m² x 83,1m² = 1.994.400 đồng;

+ Mái tôn chống nóng: 54,3m² x (385.000đ/m² x 50%) = 10.452.750 đồng.

Tổng trị giá tài sản trên đất là 325.030.950 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 50/2024/QĐ-SCBSQĐ ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 611, 612, 613, 614, khoản 1 Điều 623, 625, 627, khoản 3 Điều 628, 630, 632, 635, 636, 637, 643, 659 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, điểm a khoản 7 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị K.

Giao toàn bộ diện tích đất 659,5m² (trong đó có 626m² đất ở tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 13, theo GCNQSDĐ số AI048979, do UBND thành phố T cấp ngày 15/3/2007, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 01258PS QSDĐ/893 QĐ-UBND, mang tên cụ Lê Thị Đ1 và 33,5m² đất trồng cây lâu năm khác thửa) tại xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cho ông Đoàn Văn B được quyền sử dụng hợp pháp và

ông Đoàn Văn B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSDĐ hợp pháp theo quy định của nhà nước.

Đối với di sản thừa kế là nhà gắn liền với đất, hiện nay nhà không còn và không có cơ sở để xác định tình trạng, kích thước ngôi nhà, giá trị của ngôi nhà, nên không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là tài sản trên đất, cụ thể là 01 nhà 03 gian của cụ H1, cụ Đ1 để lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2024, bà Đoàn Thị K kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét toàn diện vụ án và có quyết định đúng pháp luật, có tính thuyết phục, hợp lòng dân.

Ngày 09/9/2024, bà Đoàn Thị N kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ngoài quyết định về nội dung chưa đúng pháp luật như kháng cáo của các nguyên đơn thì Tòa án cấp sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không hướng dẫn cho người khởi kiện làm đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho cụ Lê Thị Đ1 và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với chị L1, chị Đ, anh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, nên đề nghị HĐXX hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị N, Đoàn Thị K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị K có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của BLTTDS, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các nguyên đơn bà Đoàn Thị K và bà Đoàn Thị N:

[2.1] Về nguồn gốc tài sản thừa kế:

Các bên đương sự trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đối tượng khởi kiện là di sản thừa kế do cụ Đoàn Văn H1 và cụ Lê Thị Đ1 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 159, tờ bản đồ 13, diện tích 626m², địa chỉ: SN xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. QSDĐ mang tên hộ bà Lê Thị Đ1 do UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/3/2007, số Giấy chứng nhận AI 048979, diện tích hiện trạng đã được cấp GCN: 617,5m². Phần diện tích thu hồi thực hiện dự án Đường đại lộ Đông Tây: 66,9m². Phần diện tích có yếu tố chồng lấn đất trụ sở UBND phường P: 4,2m². Diện tích đất thực tế đang sử dụng là 659,5m², trong đó: Diện tích đất ở là 626m²; diện tích đất trồng cây lâu năm khác thửa đất ở là 33,5m². Do đất và tài sản trên đất đều do hai cụ tạo dựng sau khi kết hôn, chung sống, không có tài liệu chứng cứ thể hiện ai có công sức đóng góp nhiều hơn vào khối tài sản chung nên xác định di sản thừa kế của cụ Đ1 và cụ H1 mỗi người ½ giá trị di sản.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận, các thành viên trong hộ gia đình gồm cụ Lê Thị Đ1, ông Đoàn Văn B, bà Lê Thị T2, anh Đoàn Ngọc C, chị Đoàn Ngọc D, chị Đoàn Bảo N1; tuy nhiên tài liệu vụ án thể hiện và các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc thửa đất do cụ H1, cụ Đ1 tạo dựng được trong thời kỳ chung sống, được hợp tác xã cấp năm 1957. Cụ H1 chết năm 1989, cụ Đ1 chết năm 2012 do đó xác định thửa đất số 159 được UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/3/2007 số Giấy chứng nhận AI 048979 là di sản thừa kế cụ H1 và cụ Đ1 để lại.

Về tài liệu bà K giao nộp là Biên bản kiểm tra quản lý sử dụng đất ngày 29/3/1988: Biên bản này không phải là căn cứ để cấp GCNQSDĐ cho bà K mà chỉ thể hiện bà K và chồng ở tại tài sản trên đất tại thời điểm kiểm tra. Thời điểm này hai cụ H1, Đ1 đều còn sống, sau đó đến năm 2007 cụ Đ1 mới đề nghị cấp GCNQSDĐ nhưng bà K không có ý kiến gì về việc cấp Giấy chứng nhận trên toàn bộ thửa đất mà không trừ đi diện tích bà sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án bà K khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là toàn bộ thửa đất, không đề nghị xem xét đối với diện tích đất mà bà trình bày đã xây dựng nhà và ở ổn định cho đến khi cụ Đ1 chết. Ngoài ra, lời khai của những người làm chứng đều thể hiện thời điểm bà N, bà K ở tại thửa đất trên đã có nhà, bà N, bà K chỉ ở một thời gian ngắn rồi tách riêng ở nơi khác, không phải do các bà xây mới, tôn tạo. Như vậy không có căn cứ để xác định 03 gian nhà ngói, 01 gian bếp và diện tích 280m² đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà K. Bởi vậy, xác định các tài sản trên đất tạo dựng trước thời điểm cụ H1 chết do 02 cụ xây dựng.

[2.2] Về xem xét tính hợp pháp các bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1:

- Đối với di chúc ngày 04/4/2004: Quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc ngày 04/4/2004 không hợp pháp, nhưng không cung cấp được bản di chúc gốc hoặc bản chính, bản sao, bản chứng thực mà chỉ có bản

di chúc phô tô, nên không có cơ sở xem xét hiệu lực của bản di chúc này. Hơn nữa, bản di chúc này đã được thay thế bằng bản di chúc ngày 24/4/2007.

- Đối với di chúc ngày 24/4/2007: Di chúc này được cụ Lê Thị Đ1 lập tại Văn phòng công chứng số x tỉnh Thanh Hóa, trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép và có công chứng viên chứng thực, có người làm chứng đều không phải là người thừa kế theo di chúc và là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến nội dung di chúc là phù hợp với quy định tại Điều 625, Điều 627, khoản 3 Điều 628, Điều 632, Điều 635, Điều 636, Điều 637 của Bộ luật dân sự, nên về mặt hình thức di chúc này là hợp pháp.

Về nội dung của di chúc: Toàn bộ khối tài sản là nhà, đất tại xx P, P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là tài sản chung hợp nhất của cụ H1 và cụ Đ1. Thời điểm lập di chúc, cụ H1 đã chết không để lại di chúc; nên cụ Đ1 chỉ có quyền định đoạt đối với ½ khối tài sản này. Xác định Di chúc ngày 24/4/2007 của cụ Lê Thị Đ1 chỉ có hiệu lực một phần đối với di sản của cụ Lê Thị Đ1 (tức là 1/2 khối tài sản là nhà đất tại xx P, P 1, phường P, thành phố T ghi nhận tại di chúc). Phần của di chúc định đoạt phần di sản của cụ Đoàn Văn H1 (1/2 khối tài sản là nhà đất tại xx P, P 1, phường P, thành phố T ghi nhận tại di chúc) là vô hiệu, cần xem xét giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Cụ Đ1 di chúc để lại tài sản cho ông Đoàn Văn B được quyền thừa kế và phần di chúc này có hiệu lực pháp luật nên bà Đoàn Thị N khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét về thời hiệu khởi kiện:

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đoàn Văn H1 là năm 1989, cụ Lê Thị Đ1 là năm 2012.

Ngày 10/5/2021 bà Đoàn Thị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 là 313m² đất, không trình bày về tài sản trên đất. Ngày 30/6/2022 Bà Đoàn Thị K gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn H1. Trong nội dung đơn khởi kiện của bà K thể hiện khối di sản thừa kế của cụ H1, cụ Đ1 để lại có nhà ở trên đất và yêu cầu xác định thời hiệu khởi kiện đối với di sản thừa kế là nhà ở. Phần di sản là nhà ở của cụ Lê Thị Đ1, do cụ Đ1 để lại di chúc nên xem xét theo hiệu lực của di chúc.

Đối với phần di sản là QSDĐ của cụ Đoàn Văn H1, căn cứ Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đối với di sản là QSDĐ là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990, do đó bà K khởi kiện năm 2022 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án ông B yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện thừa kế, đề nghị giao di sản hết thời hiệu chia thừa kế cho ông sở hữu, định đoạt. Căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 giao cho người

thừa kế đang quản lý di sản là ông Đoàn Văn B được sử dụng, định đoạt là phù hợp.

Đối với di sản thừa kế là nhà ở của cụ Lê Thị Đ1 và cụ Đoàn Văn H1: Cụ H1 chết năm 1989, nên thuộc trường hợp thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/7/1991. Theo quy định tại mục 2.2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP thì đối với phần di sản là nhà ở, tính đến ngày bà Đoàn Thị K khởi kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện, nhưng đến thời điểm khởi kiện thì di sản là nhà ở đều không còn (các nhân chứng đều trình bày trước đây có nhà 03 gian nhưng đã phá cách đây khoảng 4 đến 8 năm). Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu chia giá trị của phần di sản là nhà ở này. Tòa án đã yêu cầu chứng minh giá trị tài sản trên đất làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng bà N, bà K đều không giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giá trị của phần nhà ở hai cụ để lại. Tại thời điểm xem xét, thẩm định hiện trạng di sản không còn các tài sản trên đất như nguyên đơn trình bày. Do đó không có căn cứ để xem xét phần giá trị tài sản trên đất do hai cụ để lại.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

- Về việc không hướng dẫn cho đương sự làm đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ: Tòa án chỉ giải quyết những yêu cầu của đương sự, nên việc không hướng dẫn cho người khởi kiện làm đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Về việc không thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí: Bà Đoàn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do bà L chết, nên các chị Hoàng Thị L1, Hoàng Thị Đ, anh Hoàng Văn T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L. Vì vậy, họ chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án không buộc họ phải nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu được chia kỹ phần thừa kế là đúng quy định.

Như vậy, nội dung kháng cáo của các nguyên đơn đề nghị được xem xét lại toàn bộ bản án, hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thị K không được chấp nhận nên bà N, bà K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà N, bà K là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị K.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

